

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không
Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh
Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 18

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Kinh văn 21: “Phục thứ Long Vương, nhược ly ác khẩu tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp. Hà đẳng vi bát?

- Nhất, ngôn bất quai độ.
- Nhị, ngôn giai lợi ích.
- Tam, ngôn tất khế lý.
- Tứ, ngôn từ mỹ diệu.
- Ngũ, ngôn khả thừa lãnh.
- Lục, ngôn tắc tín dụng.
- Thất, ngôn vô khả cơ.
- Bát, ngôn tận ái lạc.

Thị vi bát.

Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai Phạm âm thanh tướng”.

(Nghĩa là: Lại nữa, Long Vương! Nếu xa lìa nghiệp ác khẩu, liền thành tựu được tám thứ tịnh nghiệp. Những gì là tám?

*Một là, lời nói luôn chừng mực
Hai là, lời nói ra đều lợi ích.*

*Ba là, lời nói quyết định hợp lý.
Bốn là, lời nói đẹp đẽ.
Năm là, lời nói ra người ta thừa lĩnh được.
Sáu là, lời nói ra người ta tin dùng.
Bảy là, lời nói không thể chê trách được.
Tám là, lời nói ra người ta đều ưa thích.*

Ấy là tám pháp. Nếu đem tám pháp ấy, hồi hướng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, sau khi thành Phật, đầy đủ Phạm âm thanh tướng của Như Lai.)

Kinh văn đoạn này rất rõ ràng nghĩa lý lại sâu xa vô tận để dạy cho chúng ta biết làm thế nào thành tựu tịnh nghiệp. Đặc biệt đối với pháp môn niệm Phật mà nói, thì nên tu tịnh nghiệp từ đâu? Muốn tịnh tâm thì trước tiên tịnh từ khẩu. Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta phải khéo giữ ba nghiệp. Trong ba nghiệp đó, điều đầu tiên là “khéo giữ khẩu nghiệp, không bàn lỗi người”. Từ đó có thể thấy tính quan trọng của lời giáo huấn trong đoạn này.

“Ác khẩu” là nói lời thô ác, âm thanh, thái độ, ngôn từ chối tai. Chúng ta dùng ngữ khí mệnh lệnh, cho dù là cấp dưới của mình thì họ bắt buộc dĩ bề ngoài phục tùng chứ tâm không phục. Vậy là thất bại. Trường hợp này, thường khi có cơ hội thì cấp dưới sẽ phản bội chúng ta. Tại sao lại phản bội? Hẳn nhiên là có nguyên do, mà nhân tố quyết định thì không thể thiếu là những lời khinh xuất thường ngày của chúng ta tạo thành hậu quả. Đây là mấu chốt của sự thành bại trong tất cả công việc ở thế xuất thế gian. Trong quan hệ giữa người với người thì lời nói chiếm phần lượng thật lớn. Lời nói là biểu hiện của đức hạnh. Muốn biết một người có đức hạnh như thế nào thì cứ xem lời nói, thái độ, động tác là biết được ngay.

Chúng ta phải làm sao mới tích lũy được công đức? Đức Phật, Bồ Tát dạy chúng ta phải nhu hòa, ái ngữ. Đây là phương pháp cần phải có để cứu giúp mọi người. Trước kia khi còn thân cận với Đại sư Chương Gia và lão cư sĩ Lý Bình Nam, tôi thường quan sát các Ngài tiếp đãi khách hoặc là người đến học. Quan sát rồi thì cảm động rất sâu. Hai vị này đối với học trò thì dạy dỗ nghiêm khắc, nhưng đối với đại chúng thì không như vậy. Điều này cho thấy thái độ có trách nhiệm của người thầy đối với học trò. Người thầy có nghĩa vụ giúp đỡ và thành tựu học trò, cho nên học trò có lỗi nhất

định phải quả trách. Có 2 đối tượng chịu chỉ ra lỗi lầm của chúng ta, một là cha mẹ và hai là người thầy. Bạn bè đồng học cùng lớp chỉ nói cho chúng ta nghe 2 lần và nếu chúng ta không sửa đổi thì họ không bao giờ nhắc lại nữa. Vì họ hiểu nói nhiều sẽ thành oan gia, rồi từ đó về sau họ sẽ “*kính nhi viễn chi*” (tức là vẫn kính nhưng không đến gần chúng ta. Không đến gần tức là không cộng sự với chúng ta nữa, thành ra chúng ta làm bất cứ việc gì cũng không được sự giúp đỡ của người khác. Những người mà chúng ta gặp gỡ đều là người có quan hệ lợi hại với bạn. Bạn bè đạo nghĩa, một người bạn cũng không có. Cho nên đức hạnh, ngôn ngữ không thể không học. Thực tiễn của đức hạnh chính là Thập thiện nghiệp đạo. Nếu xa lìa ác khẩu sẽ được tám loại tịnh nghiệp.

Thứ nhất, “**Ngôn bất quai độ**” (nghĩa là lời nói luôn chừng mực).

Chữ “độ” trong câu này nghĩa là chừng mực. Ngôn từ như lý như pháp, hợp tình hợp lý, ngôn ngữ vừa đủ thì hay. Ngôn từ thái quá thì thành ra nịnh hót, thích lấy lòng. Ngôn từ bất cập thì thành ra kiêu ngạo, xem thường người khác. Đây đều không tốt. Cho nên, khi nói phải lựa chọn ngôn từ vừa đủ, vừa hay. Điều này phải học tập trong đời sống thường ngày, rèn luyện thường xuyên sẽ thành thói quen.

Thứ hai, “**Ngôn giai lợi ích**” (tức là nói ra đều lợi ích).

Lời nói vô ích, Phật pháp gọi là “hý luận”, còn người đời gọi là lời giễu cợt. Chư Phật Bồ Tát, người tu đạo thì không hý luận. Hý luận và dí dỏm không giống nhau. Cái gọi là “lời nói dí dỏm” của người đời chưa chắc có lợi cho người nghe, cho đại chúng xã hội; thế nhưng lời nói của Thánh hiền quân tử thì lại là “xuất ngôn thành tắc”. Câu này nghĩa là lời mà họ nói ra có thể làm tiêu chuẩn cho xã hội. Đây chính là lợi ích. Từ đó mà biết được tịnh nghiệp là có lợi ích. Nếu như đối với xã hội đại chúng không có lợi ích đây không phải tịnh nghiệp. Lợi ích quan trọng nhất là khiến chúng ta được tâm thanh tịnh, giúp chúng ta đoạn phiền não, tăng trí huệ. Đây là lợi ích chân thực.

Thứ ba, “**Ngôn tất khế lý**” (tức là lời nói hợp lý).

“Lý” là chân lý lời nói của Thánh hiền. Quân tử nhất định là không làm điều trái đạo lý, không đi ngược chân lý. Vì sao? Vì họ thấu ngộ chân lý rồi, tức Phật giáo gọi là “Minh tâm kiến tánh”. Cho nên hành vi ngôn ngữ của họ chắc chắn là tánh đức tự nhiên biểu lộ và tương ứng tánh đức. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong 49 năm giảng tất cả Kinh đều là từ trong tánh đức lưu xuất ra cho nên khế lý.

Thứ tư, **“Ngôn từ mỹ diệu”** (tức là lời nói hay).

Câu này không chỉ nói đến thanh âm nghe hay được phát ra. Thanh âm nghe hay đương nhiên phải có rồi nhưng “mỹ diệu” còn có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là lời nói khiến người nghe hoan hỷ tiếp nhận, nói như rót vàng rót ngọc vậy! Thời nay người ta gọi là hợp tình, hợp lý, hợp pháp. Đây là khế cơ. Lời nói khế lý, khế cơ thì mới có thể quảng độ chúng sanh. Cái gọi là “mỹ diệu” này thực sự phải từ sự nhân từ bác ái, từ tâm thanh tịnh mà bộc lộ ra. Nó thuộc về tịnh nghiệp cũng có thể tịnh hóa nhân tâm, tịnh hóa tam nghiệp. Đạt được như vậy mới thực là mỹ diệu chân chính.

Trong Lục Tổ Đàn Kinh có dạy *“Nếu người chân tu đạo thì không thấy lỗi thế gian”*. Tại sao không thấy lỗi của thế gian? Họ đã chuyển thức thành trí. Đó là theo cách nói của Pháp tướng tông. Cương lĩnh tu hành của Pháp tướng tông là chuyển ý thức thứ sáu thành *“Diệu quan sát trí”*. Ý thức thứ sáu này vẫn còn có sự phân biệt. Đối với tất cả pháp của thế xuất thế gian đều không phân biệt mới thực là “diệu quan”, trí huệ ắt hiện tiền. Chuyển thức Mạt Na thành “Bình đẳng tánh trí”. Mạt na thức là chấp trước. Còn nếu không chấp trước gì cả; xa lìa phân biệt, chấp trước, thì pháp thế xuất thế gian làm gì còn có sai lầm.

Trong các Kinh như Kinh Lăng Nghiêm, Kinh Viên Giác, Kinh Pháp Hoa, Kinh Hoa Nghiêm đều có nói: Đức Phật dạy rằng *“Tham sân si tức là Giới - Định - Huệ, Giới - Định - Huệ tức là tham sân si”*. Ý nghĩa lời dạy này là sao? Chính là bình đẳng quán. Chúng ta vốn quan niệm rằng tham sân si và giới- định- huệ là có sự khác biệt xấu tốt với nhau (tức là không bình đẳng); thế nhưng dưới con mắt của các vị Thánh thì nó lại là bình đẳng, vì tham sân si và giới- định- huệ cùng đồng một pháp tánh. Giác ngộ rồi thì là giới- định- huệ, u mê rồi chính là tham- sân- si. Mê là pháp tánh, ngộ cũng là

pháp tánh, mê ngộ không phải hai. Kỳ thật pháp tánh vốn không phân mê ngộ, tướng khi mê biến là tướng của tham- sân- si, tướng khi giác ngộ biến là tướng của giới- định- huệ.

Nhưng phải hiểu “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, tướng không phải là thật, chỉ là vọng tướng mà thôi. Thấu hiểu chân tướng của sự thật thì có thể tâm bình, tâm bình rồi thì tâm thanh tịnh liền hiện tiền. Tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh thì tham- sân- si và giới- định- huệ đều thanh tịnh. Đây là cảnh giới của pháp thân đại sĩ. Pháp thân đại sĩ ứng hóa tới lục đạo nhưng vẫn phải nghiêm trì giới luật, vì sao vậy? Vì chúng sinh nơi lục đạo vẫn còn nhiều u mê, các Ngài làm tấm gương tốt để người người noi theo. Chư Phật Bồ Tát ứng hóa trong thế gian cũng giống như lên sân khấu biểu diễn, biểu diễn nhất định phải chú ý đến xã hội đương thời, phải mang lại lợi ích cho đại chúng. Ví như ngày nay đại chúng không màng đến hiếu thuận cha mẹ, không tôn sư trọng đạo, vong ân bội nghĩa, phản thầy bội đạo thì khi Phật Bồ Tát đến những nơi này nhất định thị hiện hiếu thuận, tôn sư. Sao lại phải làm thế? Là để cứu vãn nhân tâm thế đạo. Chư Phật Bồ Tát thị hiện ở nơi nào, vào lúc nào thì chúng ta nhất định phải quán sát thời cơ nhân duyên, chính là để hiểu xem chúng sanh nơi đó đã phạm phải thói xấu nào.

Đại chúng ngày nay đã không hiểu thế nào là tôn sư trọng đạo. Nếu chúng ta còn muốn phỉ báng người thầy, phê phán người thầy thì khác nào dạy cho đại chúng xã hội bất hiếu với cha mẹ, không tôn trọng sư trưởng? Làm như vậy là dẫn chúng sanh đi vào tam ác đạo mà quả báo của nó là đọa vào tam đồ. Người nào lại làm việc tệ hại như vậy? Là ác ma chứ không thể nào là Bồ Tát. Việc làm của Bồ Tát hoàn toàn ngược lại. Bồ Tát chắc chắn tùy thuận tánh đức, không nhớ ác xưa, không ghét người xấu, không gièm pha lỗi người, nhờ vậy mới tạo nên một xã hội an định, thế giới hòa bình.

Cho nên, muốn giáo hóa chúng sanh thì phải hiểu được lợi ích của toàn thể, có thể hy sinh cá nhân để thành tựu đại chúng. Đối với người phỉ báng, làm nhục, hãm hại ta, ta phải đặc biệt kính trọng; sự kính trọng này không phải là giả tạo mà là xuất phát từ tâm chân thành, cảm hóa ác nhân, khuyến đạo xã hội.

Thứ năm, “**ngôn khả thừa lãnh**” (nghĩa là lời nói có thể tiếp nhận được).

Chữ “thừa” và “lãnh” trong câu này đều có nghĩa là tiếp nhận. Không chỉ tiếp nhận, mà còn hoan hỷ tiếp nhận. Lời nói ôn hòa thì tự nhiên sẽ làm đối phương cảm động sâu sắc, mãi không quên thì xem như thành công rồi.

Chúng ta muốn trợ giúp tất cả chúng sanh đoạn ác tu thiện, nhưng tập khí ác, những sai lầm của bản thân còn chưa sửa được thì làm sao dạy người khác? Chúng ta nói một đường làm một nẻo thì không thể khiến mọi người khởi tín tâm. Khi vừa gặp, người ta đã có thể cảm nhận được sắc mặt, thanh âm giọng nói của chúng ta, nhìn thấu chúng ta như câu “nhân yên sưu tai” (nghĩa là người làm sao mà giấu được) mà Luận ngữ đã nói. Vì vậy, trong nhà Phật, Ngài Di Lặc Bồ Tát được phụng cúng ở ngay cửa lớn, chính là dạy chúng ta phải học Bồ Tát Di Lặc mỉm cười đón người, nói lời ôn hòa. Cho dù là dùng lời nói khó nghe để trách người cũng phải lựa lời mà nói, chọn thái độ ôn hòa để biểu đạt, đương nhiên mỗi người nghe sẽ có mỗi cảm nhận khác nhau nhưng thế nào họ cũng cảm ơn chúng ta. Đây chính là ái ngữ.

Thánh Hiền giáo huấn chúng sanh, trợ giúp chúng sanh sửa đổi tập khí, sai lầm tuy là “lời thật khó nghe” nhưng đây chính là ái ngữ. Ái ngữ là lời nói chân thật thương mến người, không nhất định khiến người nghe thấy vui lòng nhưng chắc chắn sẽ có ích. Chúng ta thương mến người bằng thái độ khiêm tốn, hòa kính, có thể khiến người vĩnh viễn sửa đổi sai lầm thì lời giáo huấn xem như thành công rồi.

Thứ sáu, “**Ngôn tắc tín dụng**” (tức là lời nói được tin dùng).

Giữ được tâm thành thật thì lời chúng ta nói ra có thể khiến người tin tưởng. Cái tâm thành thật ấy không chỉ biểu hiện trên lời nói mà nó còn phải được thể hiện trong hành động thực tế. Cho nên, lời nói ra phải giữ sự thành tín. Lời Phật pháp là trí huệ, lời Phật, Bồ Tát dạy là đạo nghĩa; trong một số trường hợp đặc biệt, lời nói ra có thể không giữ được thành tín, sự việc có thể không đạt được kết quả

nhưng nhất định phải giữ được đạo nghĩa, không làm điều trái với đạo nghĩa.

Có một năm, đạo tràng ở Đài Trung - Đài Loan mời tôi giảng “Phật học thường thức”, khi giảng đến bài thứ mười một thì trong đạo tràng xảy ra mâu thuẫn. Chúng ta biết rằng trong Phật giáo, tăng đoàn được xem là “hòa hợp tăng đoàn”; nếu tăng đoàn không hòa ái thì giảng Kinh mỗi ngày cũng chẳng ích gì. Trong tình huống đặc biệt như thế này, việc giảng Kinh bị gián đoạn sẽ không bị xem là trái đạo. Đến cổ Thánh tiên hiền còn có lúc bội tín, nhưng không phải là lỗi lầm. Cho nên, mọi việc phải lấy đạo nghĩa làm tiêu chuẩn, phù hợp đạo nghĩa chắc chắn phải thủ tín, nhất định làm đến viên mãn.

Thứ bảy, **“Ngôn vô khả co”** (tức là lời nói không ai chê trách). “Co” là nghị luận, phê bình. Lời nói của chúng ta chính xác, không bị người phê bình. Người xưa coi trọng lời nói nên mới có câu “bệnh từ miệng mà vào, họa từ miệng mà ra”. Lời nói không thể không cẩn trọng, nói nhiều chắc chắn không phải chuyện tốt. Người nói nhiều chẳng những dễ làm hỏng việc mà còn không được cấp trên trọng dụng. Ngược lại, người ý tứ trong lời nói, thận trọng trong hành động mới thực là người có tài, cấp trên vui vẻ bồi dưỡng, tín nhiệm.

Thứ tám, **“Ngôn tận ái lạc”** (nghĩa là lời nói được ưa thích).

Chữ “lạc” trong câu này có nghĩa là “vui thích”. Lời chúng ta nói ra có thể khiến người hoan hỷ tiếp nhận. Tất cả các nghề nghiệp trên đời bất luận lớn nhỏ, quyết không phải một người tạo thành. Ví như Cư sĩ Lâm Phật giáo ở Singapore có đến hai ba vạn người nên có thể thành tựu sự nghiệp giáo hóa một phương. Hoặc ví dụ một đoàn thể lớn có rất nhiều người lãnh đạo, trong hội đồng sự có mấy mươi thành viên. Khi mọi người họp hội lấy ý kiến hoặc khi cùng nhau bàn kế hoạch thì không thể không dùng ngôn ngữ. Nếu vị lãnh đạo trình bày ý tưởng, quan điểm hay phương pháp hoạt động mà người nghe không hoan hỷ tiếp nhận thì công việc không thể thành tựu. Từ đó ta mới thấy được sự quan trọng của ngôn ngữ.

Phải bồi dưỡng, trau dồi ngôn ngữ từ đâu? Chính từ ngay cuộc sống hằng ngày. Quan sát cách người nói chuyện chính là cách để chúng ta tự học tập, rèn luyện. Lỗi của bản thân thì khó tự mình nhận ra nên phải quan sát và học hỏi từ người khác. Thấy người mắc lỗi mà không bao dung, buông lời phê phán, phỉ báng thì chính là tạo nghiệp. Có khi người khác chưa mắc phải lỗi thì chính mình đã tạo ra lỗi nghiêm trọng. Đây là điều mọi người thường phạm phải mà bản thân không tự nhận ra cũng không có ai nhắc nhở. Họ không nhắc nhở ta vì họ không muốn kết thù với ta. Chỉ có hai người chịu chỉ ra lỗi lầm của chúng ta. Một là cha mẹ, hai là thầy, những người còn lại đối với điều sai quấy của chúng ta thì chỉ kính trọng mà không dám gần, chứ không nhắc nhở chúng ta về cái sai quấy ấy. Việc làm ấy là để tránh kết oán với người khác. Đây là lễ nghĩa thời xưa. Thấy người mắc phải lỗi lầm, chúng ta không chê bai trước mặt, không nói xấu sau lưng. Đây chính là thành tựu đức hạnh của mình.

Đây là nói tám điều lợi ích của việc lìa xa ác khẩu. Tám điều này đều thuộc về tịnh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với **T**ịnh độ của chúng ta. Chúng ta thường niệm A Di Đà Phật nhưng nếu vẫn phạm ác khẩu thì không được vãng sanh. Nhất định phải tu tịnh nghiệp, tam nghiệp thanh tịnh thì niệm Phật mới có thể vãng sanh.

“Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, cụ túc Như Lai, Phạm âm thanh tướng” (có nghĩa là: Nếu có thể hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì sau khi thành Phật, được đầy đủ tướng phạm âm của Như Lai). Âm thanh từ nơi Đức Phật phát ra gọi là viên âm, viên mãn âm. “Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại đều hiểu được”. Phạm âm thù thắng của Đức Phật từ đâu mà có? Từ chỗ không ác khẩu. Cho nên, chúng ta muốn đắc phạm âm này trên quả vị Như Lai thì nhất định phải viễn ly ác khẩu.

Ly ỷ ngữ đắc thành tựu tam chủng quyết định (nghĩa là xa lìa lời nói thêu dệt thì thành tựu ba điều quyết định)

Kinh văn 22: **“Phục thứ Long Vương, nhược ly ỷ ngữ. Tức đắc thành tựu tam chủng quyết định. Hà đẳng vi tam?”**

- **Nhất, định vi trí nhân sở ái.**
- **Nhị, định năng dĩ trí như thật vấn đáp.**
- **Tam, định ư nhân thiên oai đức tối thắng, vô hữu hư vọng.**

Thị vi tam.

Nhược năng hồi hướng A- nậu- đa- la- tam- miệu- tam- bồ- đề giả. Hậu thành Phật thời, tức đắc Như Lai chư sở thọ ký giai bất đường quên.”

(Nghĩa là: Lại nữa, này Long vương! Nếu xa lìa lời nói thêm dè dặt thì liền thành tựu được ba pháp chắc chắn. Những gì là ba pháp?

- 1- Chắc chắn được bậc trí thương mến.*
- 2- Chắc chắn có thể dùng trí huệ giải đáp mọi câu hỏi đúng sự thật.*
- 3- Chắc chắn có được oai đức hơn hết, không hư dối đối với hàng trời, người.*

Đây là ba pháp, nếu có thể đem hồi hướng lên quả vị Bồ-đề vô thượng thì sau khi thành Phật, sẽ đạt các chỗ được thọ ký của Như Lai luôn đích thật).

Theo thứ tự liệt kê trong thập thiện nghiệp đạo thì thân nghiệp có 3, rồi đến khẩu nghiệp có 4, và ý nghiệp có 3, nhưng trong Kinh Vô Lượng Thọ thì khẩu nghiệp được đưa lên đầu tiên, tức là “Khéo giữ khẩu nghiệp, không nói lỗi người”. Khéo giữ khẩu nghiệp là nói chung chung, mà quả đức của giữ khẩu nghiệp là không nói lỗi người. “Người” ở đây là chỉ tất cả con người, sự vật, phạm vi bao hàm của nó hết sức rộng lớn, ý nghĩa thâm sâu nên chúng ta cần phải tỉ mỉ tham cứu.

Người học Phật pháp nên bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ chỗ “Khéo giữ khẩu nghiệp”, kế đến là “khéo giữ thân nghiệp” và “ý nghiệp”. Đây là phương pháp mà người có căn tánh trung hạ cũng có thể theo học để tiến bộ dần, gọi là tiệm giáo. Còn đốn giáo thì trước tiên phải khéo giữ ý nghiệp. Ý thanh tịnh thì thân khẩu sao không thanh tịnh cho được? Đốn giáo bắt đầu từ ý nghiệp, tiệm giáo bắt đầu từ khẩu nghiệp. Đây chính là phương pháp Phật giáo giáo hóa

chúng sanh. Phật pháp còn như vậy, thế pháp lại chẳng như vậy hay sao? Có người hỏi Tư Mã Quang rằng:

- Học vấn đức hạnh nên bắt đầu từ chỗ nào?

Ông trả lời:

- Bắt đầu từ không vọng ngữ.

Thành tựu của đức hạnh không gì khác hơn là chân thật, nội tâm chân thật thì đã như là ở cùng Đức Phật rồi. Còn tâm không chân thật thì dầu mỗi ngày ở bên cạnh Đức Phật cũng không tính là thân cận Phật. Đạo lý này chúng ta phải thấu suốt.

“Ỗ ngữ”. Chữ “Ỗ” vốn có nghĩa là một loại lừa là, găm vóc, là một thứ hoa lệ, người nhìn thấy đều yêu thích. Cho nên “ỗ ngữ” có thể được hiểu là lời nói đường mật ai ai cũng thích nghe nhưng nội dung của nó lại bất thiện. Ví dụ như những chương trình ca kịch, điện ảnh, âm nhạc, hội họa trong xã hội ngày nay; nội dung của những chương trình đó là bất thiện, dạy người ta tham, sân, si, mạn, sát, đạo, dâm, vọng, hoàn toàn trái ngược với mười thiện.

Cả thế giới ngày nay là một xã hội ỗ ngữ mà quy mô và tầm ảnh hưởng của nó vô cùng sâu rộng. Từ xưa đến nay, khởi nguyên của văn hóa là ca dao. Phải nói rằng cổ Thánh tiên Vương thật vô cùng trí huệ, đối với ca vũ, không luận hình thức hay nội dung đều mô phỏng theo và dùng nó để đề xướng giáo học chánh diện. Công đức này thật to lớn thay. Đức Phật cũng dùng phương pháp này để giáo hóa chúng sanh, nên Phật giáo xem trọng nghi thức âm nhạc. Âm nhạc được gọi là “phạm âm” hoặc “phạm bái”. Tuy nhiên, những năm gần đây thiếu vắng nhân tài âm nhạc nghệ thuật nên không có người đề xướng. Đây cũng là nguyên nhân lý giải vì sao người học Phật không thể thâm hiểu nghĩa lý Kinh luận Phật giáo hoặc có hiểu cũng không thấu đáo, cho nên không biết được phải làm thế nào; từ đó tạo thành chướng ngại hoằng truyền Phật pháp trong thời kỳ mạt pháp.

Trong Đại tạng Kinh có quyển Quy Nguyên Cảnh, là kịch bản vở tuồng thời xưa. Vở này dùng Côn Khúc¹, Bình Kịch² để biểu diễn. Cách này cho chúng ta một sự khái thị rất lớn, về phương diện tuyên dương Phật pháp phải nên đi theo hướng vũ đài. Tiếc là người đời nay hầu như xem cũng không hiểu Côn Khúc, Bình Kịch. Cho nên chúng ta phải đem Kinh điển, sự tích của lịch đại cao tăng đại đức viết thành phim truyền hình nhằm phổ biến Phật pháp đến tất cả người trong nhà.

Thực tế mà nói, nội dung Phật pháp vô cùng phong phú, như trong Kinh Hoa Nghiêm kể về “Thiện tài đồng tử với 53 lần tham bái” với nội dung hết sức thú vị. Hi vọng có thể tìm được người đủ năng lực đem bộ Kinh này viết thành vở kịch nhiều tập, so với giảng kinh, nhờ vào phương thức này để hoằng pháp thì hiệu quả sẽ nhiều hơn.

“Thi tam bách” là thi ca, ca dao của thời xưa mà Không Tử đã thu thập, san định và chỉnh đốn lại, nguyên tắc của Thi tam bách là *“Nhất ngôn dĩ tế chi, viết tư vô tà”* (nghĩa là một lời đủ bao quát tất cả, là tư tưởng thuần chính) cũng giống lời dạy của bộ Kinh Phật này đó là *“bất dung hào phân bất thiện gián tạp”* (nghĩa là chẳng cho chút nghiệp bất thiện nào xen vào) vì Không tử đã lược bỏ những nội dung bất thiện, những thứ gây hiểu lầm trong bộ Thi tam bách.

Nếu ngày nay các bộ phim, các vở kịch trên truyền hình được biên tác theo nguyên tắc chỉ dẫn “tư vô tà” (có nghĩa là không suy nghĩ đến những điều xằng bậy, sai trái) *(có nghĩa là không suy nghĩ đến những điều xằng bậy, sai trái)* của Không Tử thì hẳn đã có thể

¹ **Côn khúc** hay (còn gọi là) **Côn kịch/Tuồng Côn Sơn**: Là một thể loại hí kịch của tỉnh Giang Tô, Trung Quốc, là loại hình nghệ thuật đầu tiên của Trung Quốc được UNESCO đưa vào danh sách Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại. Đây là một trong những loại hình hí kịch cổ nhất của nghệ thuật Ca kịch Trung Quốc, ra đời vào cuối thế kỉ XIV (cuối thời nhà Nguyên, đầu thời nhà Minh).

² **Bình kịch** là một hình thức nghệ thuật sân khấu của vùng Hà Bắc, Trung Quốc.

giáo hóa chúng sanh, thúc đẩy sự an định xã hội, tịnh hóa nhân tâm và hòa bình thế giới.

Tiếc là nội dung của chương trình điện ảnh, truyền hình, ca múa kịch hiện nay chỉ nhiều điều phóng túng, dạy người tranh lợi mà ít nói điều nhân nghĩa đạo đức. Nếu mỗi người đều tranh lợi thì chắc chắn dẫn đến kết cục chiến tranh đổ máu. Mạnh Tử có nói: *“Thượng hạ giao chinh lợi, nhi quốc nguy hĩ”* tức kẻ trên người dưới trong cùng một nước đều tranh nhau cái lợi thì thế nào xã hội cũng hỗn loạn, quốc gia nguy vong. Thế giới ngày nay ai ai cũng muốn tranh lợi, tránh sao khỏi nguy nan.

Thánh nhân dạy người đời sống ít ham muốn, tiết kiệm, nhẫn nhịn, bố thí, cúng dường; còn người đời nay thì lại dạy nhau những điều trái với những điều thiện lành trên, đề xướng đua tranh. Tranh giành đoạt lợi thì tránh sao được kết cục nạn tai? Trong điển tích Thánh hiền thế xuất thế gian dạy người ta biết nhường nhịn, phụng hiến, không tranh hơn thua; nếu số phận đã có thì dầu muốn bỏ cũng không mất, nếu số phận không có dầu mong cầu cũng không được. Trong “Liễu Phàm Tứ Huấn” giảng giải rất cặn kẽ đạo lý, chân tướng sự thật này. Đức Phật dạy chúng ta về đạo lý và sự thật của nhân quả báo ứng, từ đầu chí cuối vẫn là “tự cầu đa phước”, vì có muốn tranh cũng tranh không được. Có trồng nhân mới được quả như vậy, nhân không trồng thì làm sao có quả.

Sống ở đời không chỉ vì bản thân, quan trọng hơn là vì xã hội, vì chúng sanh khổ nạn. Tuyệt đối không chỉ biết có riêng mình, phải biết “tri túc thường lạc” (nghĩa là biết đủ thì thường an lạc). Mỗi ngày ba bữa, quần áo đủ ấm là đủ rồi, dư ra nữa thì bố thí cho người cần thiết. Thánh hiền thế xuất thế có dạy rằng “chẳng cầu với đời, chẳng tranh với người”. Chẳng cầu với đời là ít ham muốn, biết đủ thường vui; chẳng tranh với người là không tranh danh lợi, thanh tịnh đạm bạc, sống đời tự tại, tiến đức tu nghiệp. Cạnh tranh là tự tìm khổ vào thân, cuộc sống càng cạnh tranh càng đau khổ, tinh thần càng trống rỗng.

Cho nên, hiểu rõ bản chất của “ỷ ngữ” rồi thì chúng ta chỉ cần điều chỉnh để nội dung chuẩn xác và có thể dùng biện pháp này mà hoằng pháp lợi sanh. Ví như với căn bệnh bất trung, bất hiếu, bất

nhân, bất nghĩa của chúng sanh ngày nay thì chúng ta đề xướng trung, hiếu, nhân, nghĩa, hiếu thân tôn sư làm tấm gương tốt cho xã hội.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!